

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2018/DS-ST
Ngày: 12-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc.
2. Ông Phan Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại Phòng xử án B trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2018/TLST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2018/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị S, sinh năm 1955; thường trú: Số 62, đường M, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Minh H, sinh năm 1996; thường trú: Phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; địa chỉ liên hệ: Văn phòng luật sư V, khu phố Đ, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (Theo giấy ủy quyền số chứng thực 4254, quyền số 01/SCT/CK, ĐC ngày 24/7/2018 của UBND phường T). (Có mặt)

2. *Bị đơn:*

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963; (Vắng mặt)

- Bà Bùi Thị N, sinh năm 1971. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Cùng thường trú: Số 1088/10S, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Cùng chỗ ở: Số 41, đường N, khu dân cư B, khu phố T, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

3. *Người làm chứng:* Ông Lê Văn C, sinh năm 1981; thường trú: Xã Đ, huyện Y,

tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: Số 62, đường M, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/8/2018, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông Vũ Minh H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 08/3/2018, bà Phan Thị S có cho bà Bùi Thị N, ông Nguyễn Văn H vay số tiền 250.000.000 đồng, có lập hợp đồng cho cá nhân vay tiền, tiền lãi do các bên thỏa thuận theo quy định của nhà nước. Vào ngày 06/6/2018, ông H và bà N đã trả cho bà S được 50.000.000 đồng có viết giấy. Từ đó đến nay bà S đã yêu cầu ông H, bà N trả số tiền 200.000.000 đồng còn lại nhưng họ vẫn không trả. Nay bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà N phải trả lại cho bà S số tiền 200.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật. Ngày 17/10/2018 và tại phiên tòa, ông Vũ Minh H thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà N phải trả lại cho bà S số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng.

** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 06/9/2018, ý kiến tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 17/10/2018, bị đơn bà Bùi Thị N đã trình bày:* Trước đây vợ chồng tôi có vay của bà Phan Thị S số tiền 400.000.000 đồng và đã trả được một số tiền. Đến ngày 08/3/2018, bà S lập hợp đồng cho cá nhân vay tiền thể hiện vợ chồng tôi còn nợ lại 250.000.000 đồng, tiền lãi do các bên thỏa thuận theo quy định của nhà nước. Do vợ chồng tôi làm ăn thua lỗ nên mắc nợ rất nhiều, chúng tôi đã bán nhà nhưng cũng không trả được nợ. Vào ngày 06/6/2018, vợ chồng tôi trả cho bà S được 50.000.000 đồng có viết giấy và bà S đồng ý giảm cho vợ chồng tôi 100.000.000 đồng, số nợ còn lại là 100.000.000 đồng. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên vợ chồng tôi không trả được cho bà S. Nay bà S khởi kiện vợ chồng tôi yêu cầu trả số tiền gốc 100.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi là 10.000.000 đồng tôi đồng ý, chỉ đề nghị Tòa án xem xét hoàn cảnh vợ chồng tôi đang khó khăn nên xin được trả dần số tiền trên.

** Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H:* Quá trình tố tụng, ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện và yêu cầu ông H có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của bà S nhưng ông H không có ý kiến trả lời. Tòa án đã triệu tập ông H tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 17/10/2018, tham gia phiên tòa vào các ngày 05/11/2018 và ngày 12/11/2018, nhưng ông H vắng mặt không có lý do.

** Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, ông Vũ Minh H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn bà Bùi Thị N chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Bùi Thị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn H được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 05/11/2018 và ngày 12/11/2018 nhưng ông H đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp, các chứng cứ Tòa án đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và ý kiến của đương sự. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền gốc 100.000.000 đồng và trả tiền lãi 10.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Phan Thị S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị N phải trả lại cho bà S số tiền nợ là 100.000.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền lãi. Do đó, xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Bùi Thị N, người làm chứng ông Lê Văn C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 05 tháng 11 năm 2018 và ngày 12 tháng 11 năm 2018 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị N, ông Lê Văn C.

[3] Về nội dung vụ án:

Quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày ngày 08/3/2018, bà Phan Thị S có cho bà Bùi Thị N, ông Nguyễn Văn H vay số tiền 250.000.000 đồng, có lập hợp đồng cho cá nhân vay tiền, tiền lãi do các bên thỏa thuận theo quy định của nhà nước. Vào ngày 06/6/2018, ông H và bà N đã trả cho bà S được 50.000.000 đồng có viết giấy. Từ đó đến nay bà S đã yêu cầu ông H, bà N trả số tiền trên nhưng họ vẫn không trả. Như vậy, ông H và bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Vì vậy, bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà N trả số tiền 200.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật. Ngày 17/10/2018 và tại phiên tòa, ông Vũ Minh H thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà N phải trả lại cho bà S số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi 10.000.000 đồng. Chứng cứ bà S cung cấp là bản chính hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 08/3/2018 do ông H, bà N viết và ký tên xác nhận (Bút lục 29).

Bị đơn bà Bùi Thị N thừa nhận bà và chồng là ông Nguyễn Văn H có vay của bà Phan Thị S số tiền 250.000.000 đồng, đã trả được 50.000.000 đồng. Bà S đồng ý giảm cho vợ chồng bà số tiền 100.000.000 đồng. Nay bà S yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà N phải trả lại cho bà S số tiền gốc 100.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi là 10.000.000 đồng thì bà đồng ý trả và đề nghị Tòa án xem xét hoàn cảnh vợ chồng bà đang khó khăn nên xin được trả dần số tiền trên. Chứng cứ bà N cung cấp là bản viết tay thể hiện bà N trả tiền cho bà S ngày 06/6/2018, có bà S ký tên xác nhận (Bút lục 18).

Xét lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn thống nhất về số tiền vay nợ, số tiền đã trả, số tiền nợ yêu cầu thanh toán và tiền lãi, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, phù hợp quy định pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

Do ông Nguyễn Văn H được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có ý kiến và cũng không cung cấp chứng cứ cho Tòa án để bảo vệ quyền lợi cho mình, nên Tòa án căn cứ vào chứng cứ bà S, bà N cung cấp để xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ nhận định trên, có căn cứ chấp nhận khởi kiện của bà S về việc yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà N phải trả cho bà S số tiền nợ 100.000.000 đồng và tiền lãi 10.000.000 đồng.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tại phiên tòa đối với quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại phiên tòa, ông Vũ Minh H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện chịu $\frac{1}{2}$ án phí dân sự sơ thẩm, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị N phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí dân sự có giá ngạch được tính trên số tiền phải trả cho bà Phan Thị S theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 274, 275, 280, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 91, Điều 92, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị S đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị N phải trả cho bà Phan Thị S số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày bà Phan Thị S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị N không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Phan Thị S chịu 2.750.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị N phải chịu 2.750.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc Quân